

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1969.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1965.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Thanh H1, sinh ngày 28/10/2003.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Thanh H1: Chị Bùi Thị Thu H, anh Trần Thanh T - Bố, mẹ đẻ cháu.

Cùng trú tại: Số NMK đường BD, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có hai con chung là Trần Huyền T, sinh ngày 16/12/1993 và Trần Thanh H1, sinh ngày 28/10/2003. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Trần Thanh H1 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Thanh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng, một tháng, thời điểm đóng góp tính từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu Hà đủ 18 tuổi. Đối với cháu Trần Huyền T, không đề nghị giải quyết do cháu đã trưởng thành.

Anh Trần Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Bùi Thị Thu H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị Bùi Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Trần Thanh T không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự giải quyết xong, không đề nghị giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001328 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Hoàn trả chị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí thừa.

Anh Trần Thanh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trở lại hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND Tp. Hưng Yên;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- UBND phường Quang Trung, Tp. H, tỉnh Hưng Yên (Đăng ký số 66 ngày 23/12/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý